

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 576/2020/HC-PT
Ngày: 24 - 9 - 2020
V/v Khiếu kiện Quyết định hành
chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2019/TLPT-HC ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc “Khiếu kiện đối với Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và các chính sách hỗ trợ khác để giải tỏa thu hồi đất và yêu cầu bồi thường hỗ trợ về đất cho ông Trần M theo quy định pháp luật”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 43/2019/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 924/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần M, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 6, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Đức H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Cùng địa chỉ: Đường P, phường P1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Tấn D, chức vụ: Trưởng phòng Giá đất và Bồi thường giải phóng mặt bằng – Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

- Ông Phan Văn M, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 6, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

3.2. Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phụ trách Trạm quản lý bảo vệ rừng Tân Phước (có mặt)

- Ông Lê Trung K, chức vụ: Phó phòng Ban quản lý bảo vệ rừng phòng hộ (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường 27/4, phường P2, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Trần M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 09/01/2002, Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (viết tắt: BR-VT) có Quyết định số 658/QĐ-UB phê duyệt kinh phí đền bù để thu hồi đất xây dựng Khu công nghiệp P 1, huyện T, tỉnh BR-VT với tổng diện tích đất thu hồi của gia đình ông Trần M là 20.578m² (Quyết định số 658) Theo đó toàn bộ diện tích này không được bồi thường, mà chỉ được hỗ trợ 1000 đồng/m² với lý do nằm trong dự án Rừng phòng hộ.

Không đồng ý, gia đình ông M làm đơn khiếu nại.

Ngày 02/11/2016, Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT ra Quyết định số 3086/QĐ-UBND (Quyết định số 3086) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã xác định 20.578m² đất của ông M bị thu hồi thuộc đất rừng phòng hộ, nên không đủ điều kiện được bồi thường.

Ngày 30/11/2016, ông M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 06/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UBND (Quyết định số 2549) bác yêu cầu bồi thường 20.578m² đất của gia đình ông M.

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có ý kiến:

Ngày 09/01/2002, UBND tỉnh BR-VT ban hành Quyết định số 658/QĐ-UB với nội dung: Hỗ trợ về đất: 1.000 đồng/m² khi thu hồi của gia đình ông M 20.578m² đất, thành tiền: 20.578.000 đồng. Bồi thường cây trồng 27.875.750 đồng (không có quyết định thu hồi đất).

Không đồng ý với nội dung quyết định trên, ông M đã nhiều năm khiếu nại. Ngày 02/11/2016 Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT mới ban hành Quyết định số 3086/QĐ-UBND với nội dung bác nội dung khiếu nại của ông Trần M yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng diện tích 20.578m² đất. Lý do bác đơn là “Đất do nhà nước quản lý thuộc dự án 595”.

Nguồn gốc đất của ông M là do do sư thầy Thích Nguyên Tr cùng một số tăng ni phật tử khai hoang năm 1976, đến năm 1984 thì cho lại ông Trần M thuộc các thửa 52, 53, 54, 108 tờ bản đồ số 16 và các thửa 22, 23, 24, 35 thuộc tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính thị trấn P, huyện T. Tháng 8/1991, ông M được UBND xã P cấp “Giấy xác nhận đã đăng ký kê khai sử dụng đất nông nghiệp”.

Ông có nghe nói có một dự án trồng Rừng, tuy nhiên không biết việc triển khai, không đo đạc cắm mốc, không có văn bản thu hồi hoặc thông báo gì. Vì vậy gia đình ông sử dụng ổn định liên tục, không ai tranh chấp, cho đến năm 2002 mới bị thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân tỉnh cho rằng đất của ông M nằm trong diện tích rừng phòng hộ 595 theo Quyết định 659/QĐ-UBND ngày 23/10/1993. Tuy nhiên, Quyết định này ra đời sau khi ông M có Giấy xác nhận đăng ký đất nông nghiệp ngày 23/8/1991.

Căn cứ Điều 4 Nghị định 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng; khoản 1 Điều 3 Nghị định 90/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ; Điều 5, khoản 8 Điều 6 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 23 Quyết định 1124/2000/QĐ-UB ngày 10/3/2000 của UBND tỉnh BR-VT thì ông M đủ điều kiện bồi thường và hỗ trợ về đất.

Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT đã thay thế Quyết định số 3086/QĐ-UBND ngày 02/11/2016, nên không phải khởi kiện Quyết định số 3086.

Do đó ông M khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 658 và Quyết định số 2549;
- Công nhận 20.578m² đất của gia đình ông M tọa lạc tại thị trấn P, huyện T, tỉnh BR-VT đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ông Trần M khiếu nại Quyết định số 658 và Quyết định 3086.

Ngày 06/9/2017, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 2549/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của khiếu nại của ông Trần M khiếu nại Quyết định 658. Nội dung Quyết định số 2549: Bác nội dung khiếu nại của ông Trần M yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng 20.578m² đất thuộc Rừng phòng hộ. Đồng thời, Quyết định số 2549 thay thế Quyết định 3086 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Nội dung khiếu nại: Ông Trần M khiếu nại Quyết định hành chính số 658 với yêu cầu: Bồi thường diện tích 20.578m² đất cho gia đình ông M.

Kết quả xác minh nội dung khiếu nại:

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/05/2011 của UBND tỉnh BR-VT về việc phê duyệt công trình, xác định ranh giới, cắm mốc thực địa dự án rừng phòng hộ ven biển L-M, huyện T và Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh BR-VT về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/05/2011 của UBND tỉnh BR-VT thì toàn bộ 20.578m² đất của ông M nằm trong ranh giới rừng phòng hộ, do BQL rừng phòng hộ quản lý (đất do Nhà nước quản lý, thuộc Dự án 595).

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng qui định cụ thể như sau: *“Người bị thu hồi về đất không có một trong các điều kiện theo qui định tại Điều 6 của Nghị định này hoặc tại thời điểm sử dụng đất vi phạm quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp có thẩm quyền công bố hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình, người chiếm đất trái phép, thì khi nhà nước thu hồi đất không được bồi thường thiệt hại về đất. Trong trường hợp xét thấy cần hỗ trợ thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể”*.

Về chỉ đạo giải quyết việc bồi thường liên quan đất rừng phòng hộ (tại các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện T), UBND tỉnh BR-VT đã ban hành văn bản số 3582/UB-VP ngày 02/7/2004, với nội dung:

“1. Đối với trường hợp sử dụng đất ổn định từ trước ngày 25 tháng 12 năm 1978 (ngày UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định thành lập Lâm trường Châu Thành) đến nay vẫn tiếp tục sử dụng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại về đất theo chính sách hiện hành.

2. Các trường hợp sử dụng đất sau ngày 25 tháng 12 năm 1978 đến nay thì người sử dụng đất không đủ điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất”

Theo hồ sơ thì ông M sử dụng đất được UBND xã P cấp giấy xác nhận đã đăng ký kê khai sử dụng đất nông nghiệp vào tháng 8/1991, do đó căn cứ theo những quy định trên thì nội dung khiếu nại của ông Trần M yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 20.578m² (thuộc đất Rừng phòng hộ quản lý) là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Kết luận: Căn cứ theo những qui định trên thì ông Trần M yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng 20.578m² đất thuộc Rừng phòng hộ quản lý là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT ban hành Quyết định số 2549 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần M:

“Bác nội dung khiếu nại của ông Trần M yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng diện tích 20.578m² đất thuộc Rừng phòng hộ.

Giữ nguyên nội dung không bồi thường 20.578m² đất thuộc rừng phòng hộ tại Quyết định hành chính số 658/QĐ-UBND ngày 09/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT về việc phê duyệt kinh phí đền bù và các chính sách hỗ trợ khác cho hộ ông Trần M để thu hồi đất xây dựng công trình: Khu Công nghiệp P I, huyện T”. Quyết định này thay thế Quyết định số 3086.

Việc giải quyết khiếu nại của ông Trần M được Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT giải quyết theo đúng thủ tục, trình tự theo quy định, trong quá trình giải quyết khiếu nại có tiến hành mời ông Trần M, các nhân chứng lên làm việc; thu thập hồ sơ có liên quan; xác minh thực địa tại khu đất khiếu nại và tổ chức đối thoại giữa người khiếu nại với các ban, ngành có liên quan.

Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần M.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã nhận được các văn bản tố tụng và quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh BR-VT không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 43/2019/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết định:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 6; Điều 7 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần M yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và các chính sách hỗ trợ khác để giải tỏa thu hồi đất xây dựng Khu công nghiệp P I, huyện T (nay là phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Không chấp nhận yêu cầu công nhận và bồi thường, hỗ trợ đối với 20.578m² đất cho gia đình ông Trần M tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 23/7/2019, người khởi kiện ông Trần M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông M có quan điểm cho rằng:* Diện tích đất là do Tăng ni Phật tử khai phá từ năm 1976, đến năm 1984 thì cho ông M sử dụng. Vì vậy, ông M là người quản lý, sử dụng từ trước năm 1993; vì thế đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận và khi Nhà nước thu hồi thì phải được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Việc UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho rằng diện tích đất này nằm trong rừng phòng hộ là không đúng.

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần M.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm đối với yêu cầu kháng cáo như sau:*

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ thì đất của ông Trần M thuộc đất rừng phòng hộ, vì vậy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo của người khởi kiện xét thấy:

Chứng cứ đã thu thập thể hiện: Theo Sơ đồ lồng ghép lập ngày 09/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BR-VT, thì diện tích 20.578m² đất thu hồi của ông Trần M nằm toàn bộ trong rừng phòng hộ.

Đối với diện tích đất này, ngày 25/12/1978, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBT về việc thành lập Lâm trường Châu Thành. Tại Quyết định này đã xác định cụ thể tổng diện tích đất rừng (17.978 ha, phần rừng sát có diện tích là 5.120ha), diện tích đất từng khu vực, với tọa độ, ranh giới cụ thể.

Mặc dù, tại thời điểm ban hành Quyết định 1814/QĐ-UBND năm 1978 chưa thực hiện cắm ranh, cắm mốc, chưa có bản đồ ranh giới rừng phòng hộ, đến năm 1999 mới hoàn thành Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh BR-VT tỷ lệ 1/50.000, đến năm 2011 mới có sơ đồ cắm ranh theo Quyết định 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 và năm 2012 có sơ đồ điều chỉnh theo Quyết định 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh BR-VT. Tuy nhiên, ranh giới rừng phòng hộ theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ tỷ lệ 1/5.000 kèm theo Quyết định số 1009/QĐ- UBND ngày 06/5/2011 và Quyết định số 993/QĐ- UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh BR-VT dựa trên tọa độ đã được xác định tại Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh BR-VT tỷ lệ 1/50.000 lập năm 1999 và theo đúng tọa độ, ranh giới đất rừng theo Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 25/12/1978 của UBND tỉnh Đồng Nai, được lồng ghép theo Bản đồ địa chính lồng ghép ngày 09/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BR-VT.

[2] Như vậy, việc quản lý đất rừng của Nhà nước là liên tục từ năm 1978 cho đến thời điểm thu hồi đất. Ông M trình bày cho rằng, diện tích đất này được sư thầy Thích Nguyên Tr khai phá đất từ năm 1976, tuy nhiên không có giấy tờ chứng minh; Thầy Thích Nguyên Tr cho gia đình ông M sử dụng đất từ năm 1984 đến ngày 23/8/1991 được UBND xã P cấp “Giấy xác nhận đã đăng ký kê khai sử dụng đất nông nghiệp”, như vậy khi gia đình ông M sử dụng đất thì thời điểm này đã thuộc đất rừng phòng hộ theo Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 25/12/1978 của UBND tỉnh Đồng Nai. Khi thu hồi, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũng đã tiến hành kiểm kê số cây trồng trên đất (cây Đước) cho ông M là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, ông M trình bày đã nhận số tiền này.

[3] Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên cho thấy, ông M sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1991 nhưng đất thuộc rừng phòng hộ; việc sử dụng đất là không hợp pháp do sử dụng sau thời điểm thành lập Lâm trường Châu Thành theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 25/12/1978 của UBND tỉnh Đồng Nai; Nên khi thu hồi không được bồi thường, hỗ trợ về đất là có căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị định 22/1998 của Chính phủ.

[4] Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần M là có căn cứ và đúng pháp luật. Ông M kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ, cũng như tình tiết mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, vì vậy không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của luật sư bảo vệ cho người khởi kiện theo đó là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Do ông M thuộc trường hợp là người cao tuổi, vì vậy được miễn án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần M; giữ nguyên quyết định của bản án số 43/2019/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điều 6; Điều 7 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần M yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và các chính sách hỗ trợ khác để giải tỏa thu hồi đất xây dựng Khu công nghiệp P I,

huyện T (nay là phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Không chấp nhận yêu cầu công nhận và bồi thường, hỗ trợ đối với 20.578m² đất cho gia đình ông Trần M tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy

Phạm Công Mười